KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ TKX- TK XIX

I. Các thành phần của VH từ thế kỉ X- XIX:

- Hai thành phần chủ yếu:+ VH chữ Hán.

                                         + VH chữ Nôm.

- Chữ quốc ngữ xuất hiện vào khoảng thế kỉ XVII, VH chữ quốc ngữ xuất hiện vào giai đoạn cuối của VHTĐ nhưng thành tựu chưa đáng kể, chưa được coi là một bộ phận của VHTĐ.

1. Văn học chữ Hán:

- Là các sáng tác bằng chữ Hán của người Việt.

- Thể loại: chủ yếu tiếp thu từ các thể loại của VH Trung Quốc:

+ Chiếu: Chiếu dời đô (Lí Công Uẩn)

+ Biểu: Biểu tạ ơn (Nguyễn Trãi)

+ Hịch: Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)

+ Cáo: Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi)

+ Truyện truyền kì: Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ)

+ Kí sự: Thượng kinh kí sự (Lê Hữu Trác)

+ Tiểu thuyết chương hồi: Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)

+ Phú: Bạch Đằng giang phú (Trương Hán Siêu)

+ Thơ cổ phong, thơ Đường luật của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...

" VH chữ Hán đạt được những thành tựu nghệ thuật to lớn.

2. VH chữ Nôm:

- Chữ Nôm là thứ chữ viết cổ do người Việt dựa vào chữ Hán để sáng tạo ra để ghi âm tiếng Việt.

- VH chữ Nôm là các sáng tác bằng chữ Nôm của người Việt, ra đời từ khoảng cuối thế kỉ XIII, tồn tại và phát triển đến hết thời kì VHTĐ.

- Thể loại: chủ yếu là thơ.

+ Các thể loại tiếp thu của VH Trung Quốc: phú, văn tế, thơ Đường luật.

+ Các thể loại VH dân tộc: ngâm khúc, truyện thơ, hát nói, thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn.

- Các tác giả, tác phẩm VH chữ Nôm tiêu biểu:

+ Nguyễn Trãi: Quốc âm thi tập.

+ Nguyễn Du: Truyện Kiều, Văn chiêu hồn,...

+ Đoàn Thị Điểm: Chinh phụ ngâm.

+ Nguyễn Đình Chiểu: Lục Vân Tiên,...

" Sự song song tồn tại và phát triển của hai thành phần VH trên tạo nên tính song ngữ trong nền VH dân tộc. Chúng ko đối lập mà bổ sung cho nhau cùng phát triển.

II. Các giai đoạn phát triển của VH từ thế kỉ X- XIX:

1. Giai đoạn từ thế kỉ X-XIV:

a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:

- Dân tộc ta giành được quyền độc lập tự chủ.

- Lập nhiều chiến công chống giặc ngoại xâm: chống Tống, quân Nguyên- Mông.

- Xây dựng đất nước hoà bình, vững mạnh, chế độ phong kiến ở thời kì phát triển.

b. Các bộ phận văn học:

- VH viết chính thức ra đời tạo bước ngoặt lớn.

- Gồm hai bộ phận song song tồn tại và phát triển:

+VH chữ Hán.

+VH chữ Nôm.

c. Nội dung:

- Cảm hứng yêu nước chống xâm lược và tự hào dân tộc với âm hưởng hào hùng, mang hào khí Đông A.

- Hào khí Đông A: hào khí thời Trần- tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược, tự hào dân tộc.

- Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:

+ Lí Thường Kiệt: Nam quốc sơn hà.

+ Đỗ Pháp Thuận: Quốc tộ.

+ Lí Công Uẩn: Thiên đô chiếu.

+ Trần Hưng  Đạo: Hịch tướng sĩ.

+ Trương Hán Siêu: Bạch Đằng giang phú...

d. Nghệ thuật:

- VH viết bằng chữ Hán đạt được những thành tựu lớn: văn chính luận, văn xuôi viết về đề tài lịch sử, văn hoá, thơ, phú.

- VH viết bằng chữ Nôm bước đầu phát triển.

- Hiện tượng văn- sử- triết bất phân.

2. Giai đoạn từ thế kỉ XV- XVII:

a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:

- Chiến thắng giặc Minh, triều Hậu Lê được thành lập, chế độ PK đạt độ cực thịnh ở cuối thế kỉ XV.

- Nội chiến: Mạc- Lê, Trịnh- Nguyễn chia cắt đất nước vào thế kỉ XVI- XVII khiến chế độ PK suy yếu.

" Nhìn chung tình hình xã hội vẫn ổn định.

b. Các bộ phận văn học:

VH chữ Hán và VH chữ Nôm đều phát triển, đạt nhiều thành tựu.

c. Nội dung:

- Tiếp tục phát triển cảm hứng yêu nước, tự hào dân tộc, khẳng định dân tộc và triều đình PK.

 VD: Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi); Hồng Đức quốc âm thi tập, Thánh Tông di thảo (Lê Thánh Tông);...

- Phản ánh, phê phán hiện thực xã hội đương thời với những tệ lậu, suy thoái về đạo đức.

 VD: Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ),...

d. Nghệ thuật:

- VH chữ Hán: đạt thành tựu vượt bậc ở văn chính luận và văn xuôi tự sự.

- VH chữ Nôm: thơ Nôm phát triển, xuất hiện xu hướng Việt hoá thơ Đường luật, các khúc ngâm, vịnh, diễn ca lịch sử bằng thơ lục bát và song thất lục bát phát triển.

3. Giai đoạn từ thế kỉ XVIII- nửa đầu thế kỉ XIX:

a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:

- Nội chiến PK tiếp tục gay gắt, kéo dài khiến chế độ PK suy thoái.

- Phong trào nông dân khởi nghĩa sôi sục, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn, diệt Trịnh- Nguyễn, quân Xiêm và quân Thanh, thống nhất đất nước.

- Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn khôi phục vương triều PK chuyên chế.

- Đất nước bị đặt trước hiểm họa xâm lược của thực dân Pháp.

" Là giai đoạn lịch sử đầy biến động, có bi kịch và có anh hùng ca.

" Nền văn học dân tộc phát triển mạnh, kết tinh nhiều tác giả, tác phẩm văn học xuất sắc " được đánh giá là giai đoạn VH cổ điển.

b. Các bộ phận văn học:

- VH chữ Hán phát triển.

- VH chữ Nôm phát triển đạt đỉnh cao.

c. Nội dung:

Trào lưu nhân đạo chủ nghĩa:

+ Tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc, đấu tranh đòi quyền giải phóng con người cá nhân.

+ Cảm thông với những số phận bất hạnh.

+ Tố cáo, phê phán các thế lực bạo tàn chà đạp lên quyền sống của con người.

+ Ngợi ca những vẻ đẹp của con người.

+ Khát vọng tự do công lí, mơ ước về xã hội tốt đẹp cho con người.

- Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:

+ Đặng Trần Côn- Đoàn Thị Điểm: Chinh phụ ngâm.

+ Nguyễn Gia Thiều: Cung oán ngâm khúc.

+ Nguyễn Du: Truyện Kiều- đỉnh cao của VHTĐ.

+ Thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

+ Thơ Bà Huyện Thanh Quan.

+ Ngô gia văn phái: Hoàng Lê nhất thống chí.

+ Thơ Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ,...

d. Nghệ thuật:

- Phát triển mạnh và khá toàn diện cả VH chữ Hán và VH chữ Nôm, cả thơ và văn xuôi.

- VH chữ Nôm được khẳng định và phát triển đạt đến đỉnh cao.

4. Giai đoạn VH nửa cuối thế kỉ XIX:

a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:

- Thực dân Pháp xâm lược. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng từng bước. Nhân dân cả nước kiên cường chống giặc nhưng gặp phải nhiều thất bại.

- XHPK chuyển thành XHTD nửa PK.

- Văn hóa phương Tây bắt đầu ảnh hưởng tới đời sống XH.

b. Các bộ phận văn học:

- Chủ yếu là hai bộ phận: chữ Hán và chữ Nôm.

- VH viết bằng chữ quốc ngữ đã bước đầu xuất hiện nhưng thành tựu chưa đáng kể.

c. Nội dung:

- Chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược mang cảm hứng bi tráng.

- Tư tưởng canh tân đất nước trong các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ.

- Phê phán hiện thực xã hội đương thời trong thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương.

- Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:

+ Nguyễn Đình Chiểu- tác giả VH yêu nước lớn nhất.

+ Nguyễn Khuyến, Tú Xương,...

d. Nghệ thuật:

- Văn thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương.

- Xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi bằng chữ quốc ngữ của Trương Vĩnh Kí, Nguyễn Trọng Quản, Huỳnh Tịnh Của,... đem đến những đổi mới bước đầu theo hướng hiện đại hóa.

III. Những đặc điểm lớn về nội dung của văn học từ thế kỉ X-XIX:

 VHTĐVN phát triển dưới sự tác động của các yếu tố:

+ Truyền thống dân tộc.

+ Tinh thần thời đại.

+ ảnh hưởng từ Trung Quốc.

1. Chủ nghĩa yêu nước:

- Vị trí: là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của VHTĐVN.

- Đặc điểm:

+ Gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc”.

+ Ko tách rời truyền thống yêu nước của dân tộc.

- Các biểu hiện:

+ ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc.

 VD: Nam quốc sơn hà ( Lí Thường Kiệt); Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi); Bạch Đằng giang phú (Trương Hán Siêu);...

+ Khi đất nước có giặc ngoại xâm:

" Lòng căm thù giặc sâu sắc, tinh thần quyết chiến quyết thắng với kẻ thù:

  VD: “Ngẫm thù lớn... ko cùng sống” (Bình Ngô đại cáo- Nguyễn Trãi), “Ta thường...xin làm”(Hịch tướng sĩ- Trần Quốc Tuấn),...

" Biết ơn, ca ngợi những người hi sinh vì đất nước:

 VD: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu),...

" Xót xa đau đớn trước cảnh đất nước bị tàn phá, nhân dân phiêu bạt, khốn cùng:

 VD: Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), Chạy giặc (Nguyễn Đình Chiểu),...

+ Khi đất nước thanh bình:

" Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước- tình yêu thiên nhiên.

 VD: Thơ viết về thiên nhiên trong VH Lí- Trần, thơ Nôm Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến,...

" Ca ngợi cuộc sống thái bình thịnh trị:

 VD: Phò giá về kinh (Trần Quang Khải)

2. Chủ nghĩa nhân đạo:

- Vị trí: là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của VHTĐVN.

- Đặc điểm:

+ Bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người VN, từ cội nguồn VHDG, lối sống “thương người như thể thương thân”.

+ ảnh hưởng từ tư tưởng nhân văn tích cực của các tôn giáo: đạo Phật- tư tưởng từ bi bác ái; Nho giáo- học thuyết nhân nghĩa, tư tưởng thân dân; Lão giáo- sống thuận theo tự nhiên, hoà hợp với tự nhiên.

- Các biểu hiện:

+ Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn chà đạp lên quyền sống, hạnh phúc của con người: cường quyền, định kiến và hủ tục XH, thần quyền, thế lực đồng tiền.

VD: Chinh phụ ngâm, Thơ Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều,...

+ Cảm thông với những số phận bất hạnh, những nỗi khổ đau của con người.

 VD: Chuyện người con gái Nam Xương, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều,...

+ Khẳng định, đề cao phẩm chất tốt đẹp, tài năng và khát vọng chân chính của con người.

  VD: Các tác phẩm VH Phật giáo đời Lí (Cáo tật thị chúng, Ngôn hoài,...), Truyện Kiều, Lục Vân Tiên,...

+ Đề cao quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.

 VD: Bạn đến chơi nhà, Khóc Dương Khuê,...

3. Cảm hứng thế sự:

- Thế sự: cuộc sống con người, việc đời.

- Cảm hứng thế sự: bày tỏ suy nghĩ, thái độ, tình cảm với cuộc sống con người và việc đời.

- Xuất hiện từ VH cuối đời Trần (thế kỉ XIV), tồn tại và phát triển trong quá trình phát triển của VHTĐ, càng ở giai đoạn cuối của VHTĐ càng đậm nét" VH đi từ cái thật của tâm trí đến cái thật của cuộc đời, xã hội.

- Nội dung biểu hiện:

Các tác giả hướng tới hiện thực cuộc sống để ghi lại những “điều trông thấy”:

+ Những bài thơ về thói đời đen bạc của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

+ Thượng kinh kí sự (Lê Hữu Trác), Vũ trung tuỳ bút (Phạm Đình Hổ) " bộ mặt thối nát của triều đình PK trong buổi suy tàn.

+ Thơ trào phúng thâm thuý về tình cảnh đất nước trong buổi nô lệ và thơ về đời sống nông thôn của Nguyễn Khuyến.

+ Bức tranh XH thành thị thời chế độ PK mạt vận, thực dân Pháp hoành hành trong thơ Tú Xương,...

IV. Những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn học thế kỉ X- XIX:

1. Tính quy phạm và phá vỡ tính quy phạm:

- Tính quy phạm:là sự quy định chặt chẽ theo khuôn mẫu (quy phạm: cung cách chuẩn mực cần phải tuân thủ, làm theo).

" Là đặc điểm nổi bật của VHTĐ.

- Biểu hiện:

+ Quan niệm VH: coi trọng mục đích giáo huấn của VH, “thi dĩ ngôn chí”, “văn dĩ tải đạo”.

+ Tư duy nghệ thuật: nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn, đã thành công thức.

+ Thể loại văn học: có sự quy định chặt chẽ ở từng thể loại.

+ Thi liệu:sử dụng nhiều điển tích, điển cố, văn liệu quen thuộc.

+ Thiên về tượng trưng, ước lệ.

- Sự phá vỡ tính quy phạm: là sự sáng tạo, phát huy cá tính sáng tạo về cả nội dung và hình thức biểu hiện vượt ra ngoài những quy định trên.

  VD: Các tác giả ưu tú có sự phá vỡ tính quy phạm: Nguyễn Trãi (thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn, sáng tạo về đề tài), Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,...

2. Khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị:

- Trang nhã: trang trọng, tao nhã" vẻ đẹp lịch lãm, thanh cao.

- Bình dị: bình thường và giản dị.

- Khuynh hướng trang nhã:

+ Đề tài, chủ đề: hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn cái bình thường, giản dị.

 VD: Chí lớn của người quân tử, đạo của thánh hiền,...

+ Hình tượng nghệ thuật: hướng tới vẻ tao nhã, mĩ lệ hơn vẻ đơn sơ, mộc mạc.

 VD: Hình tượng thiên nhiên mang tính ước lệ, tượng trưng, trang trọng, đài các (tùng, cúc, trúc, mai)...

+ Ngôn ngữ nghệ thuật: trau chuốt, hoa mĩ.

 VD: Chỉ cái chết, các tác giả dùng “lời lời châu ngọc” để diễn tả- “gãy cành thiên hương”, “nát than bồ liễu”, “ngậm cười chín suối”,...

- Xu hướng bình dị:

VH ngày càng gắn bó với đời sống hiện thực:

+ Đề tài, chủ đề, hình tượng nghệ thuật: lấy từ đời sống tự nhiên, giản dị.

+ Ngôn ngữ nghệ thuật: lấy từ lời ăn tiếng nói hàng ngày, vận dụng ca dao, tục ngữ,...

3. Tiếp thu và dân tộc hoá tinh hoa VH nước ngoài:

- Tiếp thu tinh hoa VH Trung Quốc:

+ Ngôn ngữ: chữ Hán.

+ Thể loại: thơ cổ phong, thơ Đường luật, hịch, cáo, chiếu, biểu, truyện truyền kì, kí, tiểu thuyết chương hồi,...

+ Thi liệu: điển cố, thi liệu Hán học.

- Quá trình dân tộc hóa hình thức văn học:

+ Ngôn ngữ: sáng tạo và sử dụng chữ Nôm và sử dụng lời ăn tiếng nói, cách diễn đạt của nhân dân lao động.

+ Thể loại: Việt hoá thơ Đường luật và sáng tạo các thể thơ dân tộc.

III. Tổng kết bài học:

Ghi nhớ:(sgk)